

BỘ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN DA SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2006

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DA SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về việc chuyển Công ty Nhà Nước thành Công ty Cổ phần.
- Căn cứ Thông tư 126/2004/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/12/2004 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP.
- Căn cứ Quyết định số: 125/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Doanh nghiệp Nhà Nước thuộc Bộ Công Nghiệp giai đoạn 2003-2005 trong đó có Công ty Da Sài Gòn.
- Căn cứ Quyết định số: 1690/QĐ-TCCB ngày 09/05/2005 Quyết định của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Da Sài Gòn thành Công ty Cổ Phần Da Sài Gòn.



CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: ĐỊNH NGHĨA

1-Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này qui định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây :

- "**Hội đồng**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 này.
- "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.
- "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Trang 1

- “ **Pháp luật** ” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996.
- “ **Cán bộ quản lý** ” có nghĩa là Tổng Giám Đốc điều hành, Phó Tổng Giám Đốc điều hành, Kế toán trưởng và các Cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.
- “ **Những người liên quan** ” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 14 - Điều 3 của Luật Doanh nghiệp.
- “ **Cổ đông** ” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu Cổ phiếu.
- “ **Thời hạn** ” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của bản Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- “ **Việt Nam** ” có nghĩa là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2- Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



CHƯƠNG 2

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2 : TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1- Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là : “ **Công ty Cổ Phần Da Sài Gòn** ”

Tên giao dịch quốc tế : “ **SAIGON LEATHER JOINT – STOCK COMPANY** ”

Tên viết tắt : “ **LEASGO** ”

2- Công ty là một Công ty Cổ Phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

3-Trụ sở chính đăng ký của Công ty là :

- **Địa chỉ** : 139 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- **Điện thoại** : 84-8-8405731/8405732
- **Fax** : 84-8-8405733
- **Email** : LEASGO @ hcm.vnn.vn

4-Tổng Giám Đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5-Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6-Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 và 53 của Bản Điều lệ này. Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.



CHƯƠNG 3

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3 : MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

1-Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất, kinh doanh thuộc da, giả da, vải và các sản phẩm chế biến từ da và giả da.
- Sản xuất, kinh doanh keo, mua bán nguyên phụ liệu sản xuất keo và keo thành phẩm.
- Kinh doanh hóa chất công nghiệp, kinh doanh mặt hàng may mặc, kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- Cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại, kinh doanh nhà ở cao tầng.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao chuyên ngành giấy da.
- Làm đại lý ký gửi hàng hóa.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2-Mục tiêu của Công ty là: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh với mục đích đạt được lợi nhuận tối đa theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống người lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích cho các Cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước.

Điều 4 : PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

1-Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong nước, với nước ngoài, thị trường xuất nhập khẩu theo đúng quy định của giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và bản Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty đề ra.

2-Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

3-Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội Cổ đông quyết định.

Điều 5 : NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1-Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

2-Các Cổ đông Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình vào Công ty.

3-Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng Cổ đông.

4-Đại hội đồng Cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, bầu Kiểm soát viên để kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty.

5-Điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần là Tổng Giám Đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 6 : TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

1-Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng Sản Việt Nam .

2-Tổ chức Công Đoàn, các Tổ chức Chính trị – Xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

3-Công ty Cổ phần Da Sài Gòn tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.



CHƯƠNG 4

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 7 : VỐN ĐIỀU LỆ

1-Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là: **7.600.000.000VNĐ (Bảy tỉ, sáu trăm triệu đồng Việt Nam)**.

- Cổ phần phát hành là Cổ phần phổ thông kể cả Cổ phần do Nhà Nước nắm giữ.
- Trong quá trình hoạt động Công ty có thể tăng vốn điều lệ, với vốn góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi vàng hoặc tài sản theo quy định của Pháp luật.

2-Cơ cấu vốn điều lệ khi thành lập phân theo sở hữu :

- Nhà Nước góp vốn bằng tài sản trị giá: **3.040.000.000VNĐ/ (Ba tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng Việt Nam)** là **304.000 cổ phần, chiếm 40% tổng số cổ phần**.
- Cổ phần bán cho người lao động làm việc trong Công ty là **221.500 cổ phần bằng 2.215.000.000VNĐ/ (Hai tỷ, hai trăm mười lăm triệu đồng Việt Nam), chiếm 29,14% tổng số cổ phần**.

*Cổ phần bán đấu giá ra ngoài doanh nghiệp :

234.500 cổ phần bằng 2.345.000.000VNĐ (Hai tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng Việt Nam) chiếm 30,86% tổng số cổ phần.

3-Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

4-Vốn của Nhà Nước tại Công ty do đại diện người Nhà Nước tại Công ty là chủ sở hữu.

5-Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :

- Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết tối thiểu cho hoạt động của Công ty.
- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế.
- Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác. Nghiêm cấm sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (Trừ trường hợp Đại hội cổ đông bất thường quyết định sửa đổi điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất).

Điều 8 : CỔ PHẦN

1-Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, giấy chứng nhận người sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu, số tiền ghi trên cổ phiếu gọi là mệnh giá cổ phiếu.

lu

2-Vốn điều lệ ban đầu được chia thành 760.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000VNĐ (Cổ phần bán ưu đãi cho CB-CNV được giảm giá 40% là 221.500 cổ phần, cổ phần bán đầu giá ra ngoài doanh nghiệp là 234.500 cổ phần).

3-Hiện nay Công ty không có cổ phần ưu đãi, người sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty gọi là cổ đông phổ thông, mỗi cổ đông phổ thông có một phiếu biểu quyết.

4-Vốn cổ phần có thể được đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng và các phương tiện thiết bị, tài sản khác như: Bằng phát minh, nhãn mác.....phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoại tệ và vàng được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá mua của Ngân hàng Nhà Nước công bố vào thời điểm các cổ đông mua cổ phần. Phần góp vốn bằng hiện vật phải được Đại hội cổ đông thành lập xem xét, chấp thuận định giá và được ghi vào Điều lệ này.

5-Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6-Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông mua hết do HĐQT quản lý kiểm soát và được chào bán khi được Đại hội đồng cổ đông cho phép.

7-Công ty có thể bán cổ phần chính mình theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này.

Điều 9 : CỔ PHIẾU

1-Cổ phiếu là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu cổ phần trong Công ty cổ phần.

2-Công ty cổ phần Da Sài Gòn phát hành 02 loại cổ phiếu :

- + Cổ phiếu ghi tên: Là cổ phiếu được chủ sở hữu là Nhà Nước, thành viên Hội đồng quản trị, người lao động được mua theo giá ưu đãi, người mua cổ phần bán đầu giá ra ngoài Doanh nghiệp.
- + Cổ phiếu không ghi tên: Là cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ.

3-Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và phải được đóng dấu Công ty mới hợp lệ, Cổ phiếu này nêu rõ số lượng và loại Cổ phần có liên quan, số tiền đã được thanh toán, họ tên người nắm giữ (nếu là Cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác do Công ty quy định, một Cổ phiếu ghi tên chỉ được đại diện cho một loại Cổ phần.

4-Cổ phiếu của Công ty được phát hành có tổng mệnh giá bằng tổng số vốn điều lệ của Công ty, Công ty chịu trách nhiệm thiết kế, in (hoặc thuê in) theo những quy định tại Thông tư số 86/2003/TT-BTC ngày 11/09/2003 của Bộ Tài chính.

Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu sau đây: Tên trụ sở Công ty, số và ngày cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh, số lượng cổ phần và loại cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu, tên cổ đông đối với cổ phiếu ghi tên, tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần, chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

5-Các cổ đông sau khi nộp tiền mua cổ phần được đăng ký tên vào sổ lưu trữ của Công ty, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả các cổ phần của mình.

6-Nếu cổ phiếu ghi tên bị hỏng hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy thì một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

7-Trong các trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của Công ty.

8-Các cổ phần được phát hành bán theo thứ tự: Cổ đông, các tổ chức kinh tế và cá nhân ngoài Công ty bao gồm cả người nước ngoài nhưng tổng số Cổ phần cũ và mới mà các Cổ đông mua thêm không vượt quá $\frac{1}{4}$ tổng số Cổ phần cũ và mới phát hành.

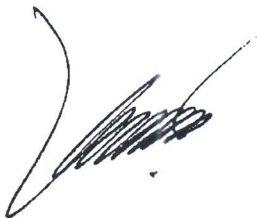
9-Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu (Không ghi tên) phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cấp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 10 : MUA BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THỪA KẾ CỔ PHẦN

1-Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2-Các trường hợp mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông, mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và các thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 64,65,66 của Luật Doanh nghiệp ban hành năm 1999.

3-Đối với Cổ phiếu ghi tên được chuyển nhượng: Khi chuyển nhượng phải có Hợp đồng chuyển nhượng, văn bản chuyển nhượng được kèm với Cổ phiếu của các Cổ phần được chuyển nhượng và những giấy tờ chứng minh khác theo thủ tục chuyển nhượng do HĐQT Công ty quy định, mọi văn bản được nộp vào Văn phòng Công ty để đăng ký vào sổ lưu trữ của Công ty.



lu



- 4-Các Thành viên HĐQT trong thời kỳ đương nhiệm không được chuyển nhượng Cổ phần của mình.
- 5-Nếu Cổ đông của Công ty qua đời, Công ty cổ phần tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu hợp pháp theo quy định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận công chứng. Công ty cổ phần không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế và phải tuân thủ Điều lệ này.
- 6-Khi được quyền sở hữu hay thừa kế hợp pháp và đã được ghi vào sổ cổ đông của Công ty, Cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 11 : THU HỒI CỔ PHẦN

- 1-Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
- 2-Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 3-Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều lệ này.
- 4-Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản tiền có liên quan.
- 5-Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.



CHƯƠNG 5

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 12 : QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1-Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn cổ đông, đất đai, tài nguyên được giao và các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

2-Mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường. Được phép mở rộng lĩnh vực kinh doanh những ngành nghề khác nhau khi Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền cho phép.

3-Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn (Như : Được quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật).

4-Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.

- Được quyền tuyển dụng và thuê mướn lao động, thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và theo quy định của Pháp luật.
- Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.

5-Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối.

6-Quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.

7-Chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh đã đăng ký (Như : Lựa chọn khách hàng, trực tiếp giao dịch, ký hợp đồng với khách hàng).

- Được quyền ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.
- Được quyền liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo luật định.

Điều 13 : NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1-Kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký ghi trong giấy phép và mục đích thành lập của Công ty. Bảo đảm chất lượng sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.

2-Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm phát triển vốn của Công ty, củng cố và phát triển Công ty.

3-Tuân thủ chế độ hạch toán, kế toán thống kê, các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của Nhà Nước.

4-Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng, hợp đồng và quản lý lao động. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật lao động, tôn trọng quyền của tổ chức Công Đoàn theo luật Công Đoàn.

5-Tuân thủ quy định của Nhà Nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và trật tự, an toàn xã hội.

6-Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và chịu sự thanh tra của các Cơ quan chức năng của Nhà Nước.



CHƯƠNG 6

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14 : CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm :

- ☐ Đại Hội Đồng Cổ Đông
- ☐ Hội Đồng Quản Trị
- ☐ Tổng Giám Đốc điều hành
- ☐ Ban kiểm soát



CHƯƠNG 7

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15 : CỔ ĐÔNG

1-Cổ đông của Công ty cổ phần Da Sài Gòn là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty.

2-Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty :

2-1-Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông là pháp nhân :

Người đại diện phần vốn của Nhà Nước tại Công ty cổ phần Da Sài Gòn do Bộ Công Nghiệp cử.
Đối với pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty cổ phần là người đại diện theo Pháp luật của pháp nhân đó.

2-2-Người đại diện tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.

2-3-Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác là cổ đông của Công ty có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.

2-4-Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty cổ phần.

Điều 16 : QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG

1-Được chia lợi tức tương ứng với phần vốn góp theo kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

2-Được ưu tiên mua cổ phần mỗi khi Công ty phát hành cổ phiếu mới.

3-Được mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với pháp luật.

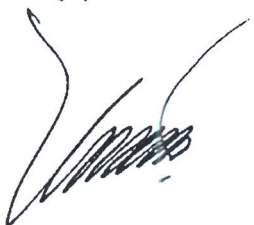
4-Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu 1% (Một phần trăm) vốn điều lệ trở lên được trực tiếp tham dự Đại hội cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông, được quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, được quyền phê bình chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, thành viên của Ban kiểm soát và Tổng Giám Đốc, về hoạt động của Công ty.

5-Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (Mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào HĐQT và Ban kiểm soát, có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi :

- Có những dấu hiệu bất thường về tài chính.
- Phát hiện có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý làm trái gây thiệt hại cho Công ty của Ban Tổng Giám Đốc, HĐQT, Ban kiểm soát.

6-Được HĐQT cung cấp thường xuyên các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (Trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Thủ thuật Marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh.....)

7-Được chia tài sản (nếu có) khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp.



8-Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác là cổ đông của Công ty tham dự Đại hội đồng cổ đông.

9-Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 17 : NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

1-Cổ đông có nhiệm vụ góp đủ số cổ phần đã đăng ký và tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

2-Chịu trách nhiệm về khoản lỗ và khoản nợ của Công ty tương ứng với cổ phần mình đóng góp.

3-Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty khi được phân công.

4-Trong kỳ hoạt động của Công ty đã ghi trong giấy phép các cổ đông không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty cổ phần giải thể hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5-Phát hiện những vi phạm luật pháp, chính sách chế độ Nhà Nước của thành viên HĐQT. Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình.

6-Bảo vệ uy tín, lợi ích tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

7-Chấp hành các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông.

8-Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 18 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

1-Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập. Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2-Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các Điểm 1.1, 1.2, 1.3 Khoản 1 – Điều 24 của Bản Điều lệ này.

3-Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông và đại diện cổ đông nắm giữ trên 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 19 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÀNH LẬP



lu



1-Thành phần tham gia Đại hội đồng cổ đông thành lập là các cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu có ít nhất 1% (Một phần trăm) vốn điều lệ trở lên.

2-Đại hội đồng cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất $\frac{3}{4}$ (Ba phần tư) số vốn điều lệ.

3-Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

- Thảo luận và thông qua điều lệ.
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh.
- Bầu HĐQT và Ban kiểm soát.
- Thông qua và Quyết định các khoản phụ cấp kiêm nhiệm đối với các chức danh trong HĐQT và Ban kiểm soát.

Điều 20 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

1-Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2-Đại hội đồng cổ đông thường niên là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (qua các lần triệu tập) đầy đủ theo quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 Khoản 1 – Điều 24 của Bản điều lệ này.

3-Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:

3-1-Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát.

3-2-Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, thông qua quy chế, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

3-3-Thông qua định hướng phát triển của Công ty, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm tài chính mới, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty, quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại.

3-4-Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu.

3-5-Xem xét các trường hợp sai phạm và quyết định bãi nhiệm đối với thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

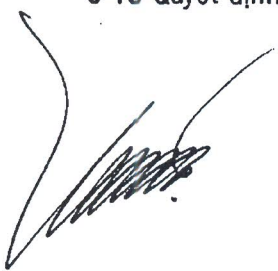
3-6-Bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này.

3-7-Ấn định các thù lao và quyền lợi của HĐQT và Ban kiểm soát.

3-8-Thông qua Điều lệ bổ sung sửa đổi (nếu cần).

3-9-Quyết định tổ chức lại hay giải thể Công ty.

3-10-Quyết định các vấn đề khác theo Quy định của pháp luật hay Điều lệ Công ty.



Điều 21 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

1-Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Trong trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu bằng văn bản của một hoặc một nhóm người sau:

- Chủ tịch HĐQT.
- Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT.
- Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát (trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp, HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định của Điều lệ này).
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 5 – Điều 16 của Điều lệ này.

2-HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát thay thế, trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 – Điều 16 của Điều lệ này thay thế. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường nêu tại Điều này sẽ được Công ty hoàn trả lại.

3-Đại hội đồng cổ đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (Qua các lần triệu tập) đầy đủ theo quy định tại Điểm 1.1, 1.2, 1.3 Khoản 1 – Điều 24 của Bản điều lệ này.

4-Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường.
- Bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 22 : DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1-Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty (Đối với Đại hội đồng cổ đông thành lập dựa trên danh sách cổ đông sáng lập do Ban Đổi mới Công ty làm). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2-Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại mà mình sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện.

3-Mỗi cổ đông đều có quyền cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4-Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 – Điều 16 của Bản Điều lệ này có quyền xem danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5-Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

6-Cổ đông sở hữu từ 1% (Một phần trăm) vốn điều lệ trở lên được quyền trực tiếp dự họp Đại hội đồng cổ đông, các Cổ đông dưới 1% (Một phần trăm) có thể ủy quyền bằng văn bản cho một người khác là Cổ đông của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông.

7-Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày thành lập xong danh sách cổ đông đến kỳ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần chuyển nhượng.

Điều 23 : CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1-Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

2-Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 – Điều 16 của Bản Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3-Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 – Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

3-1-Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

3-2-Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

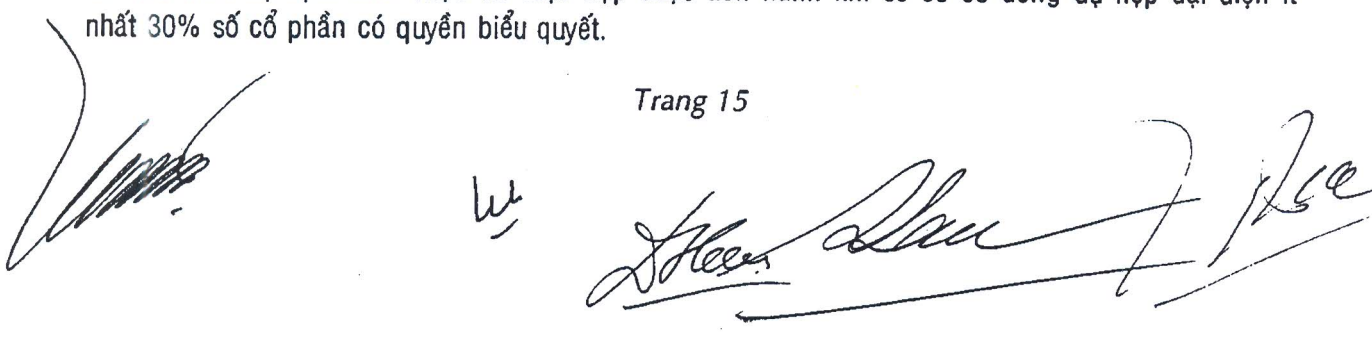
3-3-Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 24 : ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1-Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc, đồng thời thông báo trên phương tiện đại chúng.(Nếu xét thấy cần thiết). Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

1-1-Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần (Trừ Đại hội lần đầu thành lập Công ty Cổ phần phải bảo đảm từ ¼ tổng số cổ phần trở lên).

1-2-Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm 1.1 – Khoản 1 – Điều này thì triệu tập cuộc họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 30% số cổ phần có quyền biểu quyết.



1-3-Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 – Điều này thì được triệu tập cuộc họp lần thứ 3 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

2-Các cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu 1% vốn điều lệ được quyền tham gia Đại hội. Những vấn đề được số cổ đông đại diện 10% trở lên vốn điều lệ đề nghị thì được đưa vào chương trình Đại hội. Các cổ đông không đủ số cổ phần cần thiết phải tự nhóm lại để cử đại diện tham gia Đại hội.

3-Những cổ đông không đến dự Đại hội thì được phép ủy quyền cho đại diện thay thế theo quy định của Điều lệ này.

4-Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (Ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

5-Chủ tọa Đại hội:

5-1-Đại hội cổ đông thường niên hoặc Đại hội bất thường do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa, nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT làm chủ tọa.

5-2-Đại hội cổ đông thành lập do Trưởng Ban đổi mới quản lý Doanh nghiệp Nhà nước tại Công ty làm chủ tọa.

5-3-Đại hội cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị triệu tập theo quy định tại Khoản 5 – Điều 16 của Điều lệ này triệu tập thì phải thỏa thuận bằng văn bản cử cổ đông có số cổ phần cao nhất hoặc người có năng lực trong nhóm tham gia chủ tọa Đại hội.

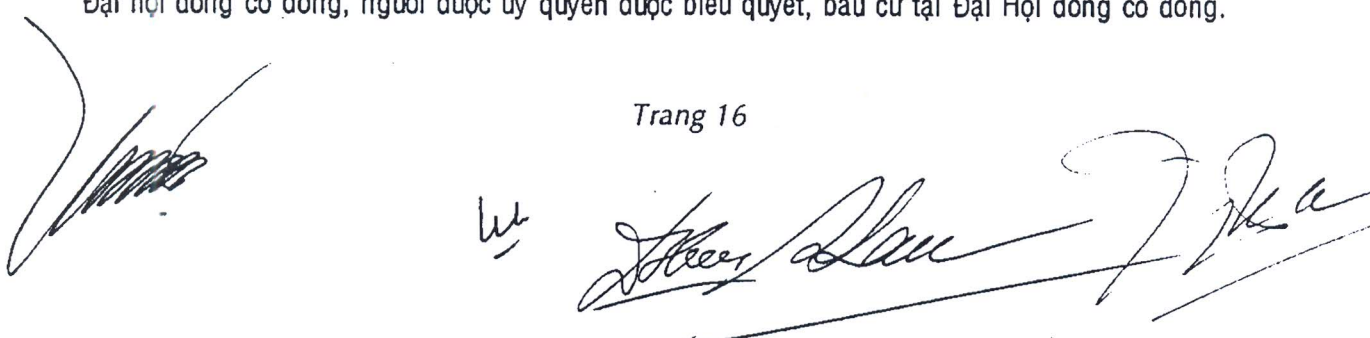
6-Đại hội bầu thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

7-Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên, đồng thời phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai thành viên HĐQT.

8-Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và đại diện hợp pháp (bao gồm sở hữu và ủy quyền) có ít nhất 1% (Một phần trăm) vốn điều lệ trở lên.

Điều 25 : VIỆC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1-Cổ đông được ủy quyền cho đại diện của mình là cổ đông khác của Công ty thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại Hội đồng cổ đông.



2-Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

3-Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó ký, đóng dấu.

4-Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần (Ủy quyền tham dự cuộc họp lần nào chỉ có giá trị trong cuộc họp lần đó)

5-Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT trước khi khai mạc cuộc họp.

Điều 26 : THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1-Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định (Dưới dạng nghị quyết) thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2-Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua cuộc họp khi:

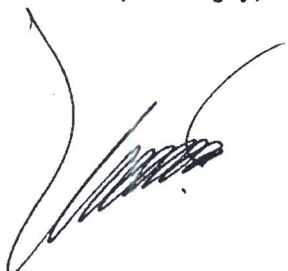
2-1-Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2-2-Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng số giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự cuộc họp chấp thuận.

3-Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

Trong trường hợp này để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT phải tiến hành các công việc sau:

- Quyết định danh mục các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
- Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến, đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm theo, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, phương án biểu quyết " Nhất trí ", "Không nhất trí", " Không lấy ý kiến ".
- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, thông qua kết quả và các nội dung lấy ý kiến đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.



4-Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

5-Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 79 của Luật Doanh nghiệp và do Tòa án quyết định theo quy định của Pháp luật.



CHƯƠNG 8

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1-Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông.

2-HĐQT Công ty cổ phần Da Sài Gòn có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của HĐQT được trúng cử với ít nhất 51% tổng giá trị cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp và bỏ phiếu kín.

3-Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà Nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT.

4-HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự.
- Các thành viên vắng mặt phải có lý do chính đáng bất khả kháng.
- HĐQT thông qua các quyết định theo đa số.
- Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- Trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định được thông qua thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 28 : ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT.

1-Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần trở lên được đề cử, ứng cử vào Hội Đồng Quản Trị. (Từ 30% đến dưới 50% để cử, ứng cử 2 thành viên)

2-Thành viên của HĐQT có thể kiêm các chức vụ điều hành trực tiếp SXKD của Công ty.

3-Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

4-Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp.

lu

5-Ứng cử viên HĐQT là đại diện CNVC tại Doanh nghiệp, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại các khoản nêu trên còn phải thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- Có nhiều thành tích trong hoạt động SXKD tại Công ty.
- Có năng lực công tác và uy tín trong doanh nghiệp.

Điều 29 : QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1-HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

2-HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

2-1-Quản trị Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật.

2-2-HĐQT quyết định:

- Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy, quy chế nhân viên, biên chế, quỹ lương và giải quyết chuyển nhượng cổ phần.

2-3-HĐQT trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định:

- Kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch huy động vốn của Công ty.
- Tăng giảm vốn điều lệ
- Các Báo cáo về hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.

2-4-Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy Công ty.

2-5-Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty.

2-6-Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội cổ đông thường kỳ và bất thường.

2-7-Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT.

2-8-Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

2-9-HĐQT quyết định đầu tư các dự án phát sinh không quá 30% vốn điều lệ được duyệt dự toán thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.

3-Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của Công ty.

4-HĐQT có thể hủy các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của HĐQT.

Trang 20

- Vi phạm Điều 9 của Luật Doanh nghiệp
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.

Điều 33 : TRƯỜNG HỢP KHUYẾT THÀNH VIÊN HĐQT

1-Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch các thành viên của HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2-Trường hợp Chủ Tịch HĐQT đương nhiệm bị khuyết, tạm thời Phó Chủ Tịch lên thay, Phó Chủ Tịch đương nhiệm bị khuyết thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ Tịch cho đến Đại hội gần nhất.

3-Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên HĐQT hoặc không đủ thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

- Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 34 : PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT

1-Chủ Tịch HĐQT :

1-1-Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch HĐQT và Phó Chủ Tịch HĐQT. Chủ Tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.

1-2-Chủ Tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT, tổ chức và phân công các thành viên thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT.
- Chuẩn bị chương trình nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới hình thức khác.
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- Chủ tọa cuộc họp Hội đồng cổ đông.
- Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền của mình.

2-Phó Chủ Tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ Tịch HĐQT phân công, thay mặt Chủ Tịch HĐQT thực thi công việc trong thời gian Chủ Tịch HĐQT vắng mặt và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ Tịch HĐQT và trước pháp luật về những nhiệm vụ được ủy quyền.

3-Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác.

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong từng thời kỳ.
- Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp và chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những hành vi của mình.
- Thực hiện Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công, phân nhiệm của HĐQT.
- Thành viên HĐQT là đại diện quản lý phần vốn Nhà Nước tại Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà Nước.

Điều 35 : NHIỆM KỲ CỦA HĐQT

1-Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 03 năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.

2-Trong nhiệm kỳ Đại hội đồng có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ.

Điều 36 : QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

1-Thành viên HĐQT hưởng thù lao do Đại hội cổ đông quyết định, được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

2-Mọi chi phí hoạt động hợp lý khác của HĐQT cũng được tính vào chi phí quản lý của Công ty.



CHƯƠNG 9

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 37 : TỔNG GIÁM ĐỐC

1-HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác (không phải là thành viên HĐQT) làm Tổng Giám Đốc. Chủ Tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là 03 năm.

1-1-Tổng Giám Đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch.

1-2- Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Nếu việc điều hành sản xuất kinh doanh không có hiệu quả thì Hội Đồng Quản Trị có quyền bãi nhiệm Tổng Giám Đốc.

1-3-Giúp Tổng Giám Đốc có các Phó Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám Đốc. Các Trưởng, Phó Phòng ban, Chánh, Phó Quản Đốc do Tổng Giám Đốc bổ nhiệm.

ut

2- Tổng Giám Đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên HĐQT (Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công ty).

Điều 38 : TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc Công ty phải là người có đủ các điều kiện sau :

1-Có trình độ quản lý các ngành mà Công ty sản xuất kinh doanh (Tốt nghiệp Đại Học hoặc tương đương trở lên) và hiểu biết Pháp luật.

2-Không thuộc các đối tượng được quy định tại Điều 9 Luật Doanh nghiệp.

3-Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 39 : CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1-Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động SXKD của Công ty theo đúng Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.

2-Bảo toàn và phát triển vốn theo phương án SXKD đã được HĐQT phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.

3-Xây dựng và trình HĐQT chuẩn y về kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý của Công ty, quy hoạch đào tạo cán bộ và lao động, phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Tổ chức thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

4-Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu, sản phẩm (Trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà Nước quy định).

5-Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất,

6-Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng.

7-Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với CB-CNV dưới quyền.

8-Ký các hợp đồng kinh tế theo luật định và điều lệ Công ty Cổ phần.

9-Báo cáo trước HĐQT tình hình và kết quả hoạt động SXKD của Công ty và báo cáo quyết toán SXKD hàng năm.



10-Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT ủy quyền bằng văn bản.

Điều 40 : QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1-Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các Kiểm soát viên.

2-Có quyền tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của HĐQT khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc với người lao động phù hợp với Bộ Luật Lao động.

3-Điều động lao động trong định biên giữa các đơn vị trực thuộc.

4-Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố.... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo ngay cho HĐQT.

5-Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

Điều 41 : ỦY QUYỀN VÀ ỦY NHIỆM

1- Tổng Giám Đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám Đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

2-Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc và Pháp luật về những công việc mình làm.

3-Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 42 : TỪ NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM

1-Khi Tổng Giám Đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT họp xem xét và quyết định.

2- Tổng Giám Đốc đương nhiên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây :

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở.
- Vi phạm Điều 9 của Luật Doanh nghiệp.
- Theo quyết định của HĐQT.

3-Trường hợp Tổng Giám Đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải tạm cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Tổng Giám Đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới.



CHƯƠNG 10

BAN KIỂM SOÁT

Điều 43: BAN KIỂM SOÁT

1-Là tổ chức thay mặt các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty.

2-Ban kiểm soát có 03 kiểm soát viên trong đó ít nhất có một kiểm soát viên có trình độ về tài chính kế toán do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

3-Trưởng Ban kiểm soát do các kiểm soát viên bầu với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.

4-Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, các Kiểm soát viên bắt đầu tiến hành việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.

Điều 44: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát viên không được là thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng của Công ty:

- Không thể là vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của các thành viên trên.
- Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Luật Doanh nghiệp.
- Nên là Cổ đông của Công ty.
- Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực hoạt động, các yêu cầu nhiệm vụ của Công ty, am hiểu nghiệp vụ quản lý kinh doanh của Công ty.
- Có hiểu biết về Pháp luật.
- Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- Được đề cử của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 5 - Điều 16.

Điều 45: NHIỆM KỲ BAN KIỂM SOÁT

1-Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

2-Trong nhiệm kỳ nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 46: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1-Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức, kiểm soát viên muốn từ nhiệm đều phải gửi đơn đến HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2-Kiểm soát viên đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp như thành viên HĐQT.

3-Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên phải bầu Trưởng ban Kiểm soát khác thay thế.

4-Trường hợp khuyết kiểm soát viên có chuyên môn về tài chính kế toán, HĐQT phải tạm cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bổ sung.

Điều 47: NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1-Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

2-Mỗi kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

2-1-Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

2-2-Được quyền yêu cầu các Phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp các số liệu khi phát hiện có sai phạm. Các yêu cầu này phải được thông báo đến Tổng Giám Đốc Công ty để triển khai thực hiện.

2-3-Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bản tổng kết năm tài chính.

2-4-Khi phát hiện những vấn đề chưa đúng về quản lý tài chính, thông báo cho Tổng Giám Đốc và Hội Đồng Quản Trị để xem xét và giải quyết. Trong trường hợp không giải quyết thì báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về trách nhiệm của Kiểm soát viên.

2-5-Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT.

2-6-Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến đúng nhưng khác với quyết định HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2-7-Khi phát hiện có sai phạm nghiêm trọng về quản lý tài chính, đã có báo cáo HĐQT và Tổng Giám đốc, nhưng không được giải quyết thì 2/3 số kiểm soát viên có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết.



lu



3-Kiểm soát viên hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chi phí cho kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.



CHƯƠNG II

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 48: CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1- Chế độ tuyển dụng lao động và trả lương thưởng thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám Đốc (Hoặc người được Tổng Giám Đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của Pháp luật.

2- Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:

- Người lao động đang làm việc cho Công ty Da Sài Gòn theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần Da Sài Gòn sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
- Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như BHXH, BHYT và các chế độ khác theo quy định của pháp luật được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.
- Trong vòng 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ.

3- Nghĩa vụ người lao động: Thực hiện trách nhiệm của người lao động theo luật pháp, điều lệ và các nội quy, quy chế của Công ty.



CHƯƠNG 12

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 49 : HẠCH TOÁN

1-Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trang 27

2-Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán và thống kê hiện hành, thực hiện quản lý tài chính theo chế độ hiện hành của Nhà Nước và các quy chế tài chính do HĐQT ban hành.

3-Cuối mỗi niên khóa HĐQT xem xét thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông.

- Bản cân đối kế toán Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát 15 ngày trước ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4- Sau Đại hội các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ liên quan phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 50 : LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ.

1-Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần. Lợi nhuận của Công ty bao gồm:

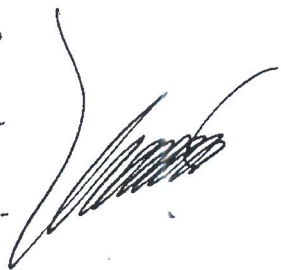
- *Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí
- *Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế TNDN

2-Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

2-1-Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ. Mục đích để bù đắp những tổn thất rủi ro hoặc thua lỗ trong quá trình SXKD.

2-2-Các quỹ khác do HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định trên cơ sở các chỉ tiêu trích quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển trích tối thiểu 15% lợi nhuận sau thuế, sử dụng chủ yếu trong việc nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng.
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi trích tối đa không quá 25% lợi nhuận sau thuế, bao gồm cả trích thưởng cho HĐQT, các sáng lập viên Công ty và những người có công với Công ty, cũng như sử dụng trong việc xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của người lao động, hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn đột xuất hoặc thường niên hoặc những mục đích khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tỷ lệ trích trên được thực hiện với yêu cầu khi đã đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận khác.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tối đa 5% lợi nhuận sau thuế.



W



3-Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận, mức trích hàng năm do HĐQT quyết định căn cứ theo khả năng tài chính của Công ty và các quy định của Nhà Nước.

4-HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm.

5-Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp và chỉ được chia cổ tức khi Công ty kinh doanh có lãi. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép. HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 06 tháng.

Điều 51 : XỬ LÝ KINH DOANH THUA LỖ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, thời hạn chuyển lỗ tối đa là 03 năm. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải chọn biện pháp để khắc phục.



CHƯƠNG 13

GIẢI THỂ - THANH LÝ - TRANH TỤNG

Điều 52 : GIẢI THỂ

Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ, mọi cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết công việc giải thể Công ty.
- Khi có lý do chính đáng HĐQT có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
- Quyết định đình chỉ hoạt động của cơ quan Tòa án và Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

Điều 53 : THANH LÝ

1-Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty ngưng mọi hoạt động kinh doanh. Ban thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty. Thực hiện phương án giải thể theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

2-Trong thời gian thanh lý, khi xét thấy cần thiết Ban thanh lý hoặc Ban kiểm soát có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định những vấn đề liên quan.

3-Ban thanh lý phải thực hiện hoàn tất phương án giải thể, thanh lý tài sản Công ty chậm nhất 05 tháng sau khi được thành lập.

4-Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong vòng 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

Điều 54 : TỔ TỤNG TRANH CHẤP

1-Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật trong mọi giai đoạn tranh tụng.

2- Công ty có quyền bình đẳng trước luật pháp với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng, tranh chấp.

3-Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà Nước theo quy định hiện hành.

4-Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.



CHƯƠNG 14

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 55 : HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 56 : THỂ THỨC SỬA ĐỔI BỔ SUNG CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐIỀU LỆ

1-Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2-Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Điều 57 : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.

1-Bản Điều lệ này gồm có 14 chương 57 Điều được lập thành 11 bản có giá trị như nhau.

Trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng Công Chứng Nhà Nước TP. HCM.
- 01 bản gửi Bộ công Nghiệp.
- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố.
- 04 bản lưu tại Văn phòng Công ty.

2-Các bản sao hay trích phải có chữ ký của HĐQT mới có giá trị. Bản điều lệ này được thông qua Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc đọc từng điều. Thông qua từng chương và chấp thuận toàn bộ vào ngày 13 tháng 02 năm 2006 tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thành lập Công ty Cổ phần Da Sài Gòn tại Hội trường Victory 14 Võ Văn Tần, Phường 6, Q3, TP, HCM.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ NHẤT
THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN DA SÀI GÒN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Dương Xuân Viên

Nguyễn Đức Hiếu

Lê Văn Chân

Nguyễn Đức Hiếu



CHÁNH VĂN PHÒNG

Võ Văn Tân